

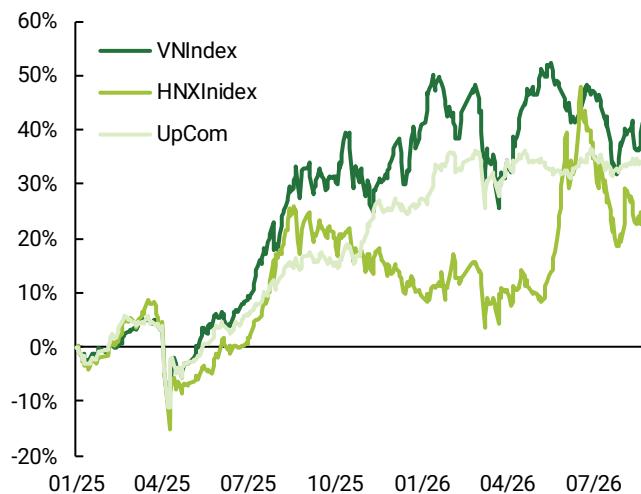
VN-Index **1791.41 (0.15%)**
 908 Tr. cổ phiếu 21453.8 Tỷ VND (10.25%)

HNX-Index **282.65 (-0.19%)**
 71 Tr. cổ phiếu 1072.0 Tỷ VND (-3.78%)

UPCOM-Index **126.78 (-0.76%)**
 28 Tr. cổ phiếu 390.2 Tỷ VND (-31.91%)

VN30F1M **1939.90 (-0.16%)**
 267,945 HD OI: 32,761 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2025 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1791.4, tăng +2.6 điểm (+0.15%). Khớp lệnh giảm nhẹ với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc đỏ chi phối ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Thị trường khởi sắc trong phiên sáng nhưng lực bán tiếp tục chiếm ưu thế khi chỉ số tiếp cận mốc 1800 điểm. Đà tăng phụ thuộc nhiều vào nhóm Vin, trong khi dòng tiền chưa có sự đồng thuận giữa các nhóm ngành.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Bất động sản: VIC (+2.8%) | Hóa chất: DGC (+2.4%), TRC (+4.2%) | Thực phẩm và đồ uống: ANV (+2.0%), DBC (+6.6%). Diễn biến yếu trong phiên: Ngân hàng: MSB (-2.2%), HDB (-1.5%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: PDN (-4.9%), GEE (-3.3%), VSC (-2.6%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: REE (-2.1%), POW (-1.8%), GAS (-1.8%) | Tài nguyên Cơ bản: HPG (-2.0%), HSG (-1.8%) | Dịch vụ tài chính: ORS (-3.8%), VDS (-1.6%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, MCH, LPB, VCB, VHM - Chiều giảm | HPG, GAS, BSR, CTG, HDB.
- Khối ngoại Mua ròng gần 280 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VIC, VIX, HCM, trong khi bán ròng TCB, STB, HPG.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Gravestone Doji, tiếp tục cho thấy lực cung chiếm ưu thế tại ngưỡng tâm lý 1800 điểm. Đà tăng phụ thuộc nhiều vào nhóm Vin, trong khi dòng tiền chưa có sự đồng thuận giữa các nhóm ngành. Dù vậy, mặt bằng cổ phiếu vẫn giữ được các vùng hỗ trợ quan trọng, cho thấy áp lực bán tại cản mang tính kỹ thuật. Nếu chỉ số tiếp tục thất bại tại ngưỡng 1800 điểm, sự phân hóa có thể mạnh hơn và gia tăng rủi ro lùi về lấp lại "gap tăng", quanh khu vực 1760 - 1780 điểm. Ngược lại, nếu vượt 1800 điểm với độ rộng và dòng tiền cải thiện, mục tiêu tiếp theo có thể hướng tới là ngưỡng 1860 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, áp lực bán cũng chi phối về cuối phiên khiến chỉ số đóng cửa trong sắc đỏ. Vận động khả năng trở lại rung lắc, tích lũy thêm động lượng trong vùng 280 – 290 điểm. Kháng cự quan trọng quanh mức 300 điểm.
- **Chiến lược:** Nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại, đồng thời theo dõi phản ứng của thị trường khi tiếp cận vùng 1800 điểm. Nếu chỉ số vượt cản với sự đồng thuận của dòng tiền, có thể cân nhắc gia tăng tỷ trọng. Ngược lại, nếu xuất hiện tín hiệu suy yếu dưới ngưỡng 1755 điểm, nên chủ động hạ bớt vị thế cổ phiếu. Nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Dầu khí, Bất động sản, các DNNN đầu ngành.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi PHR (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	% Thay đổi				% Biến động giá trị giao dịch so với				% Biến động khối lượng giao dịch so với			
	Giá đóng cửa	(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,791.4	0.1%	3.4%	6.2%	21,453.8	10.3%	42.9%	53.6%	907.5	-4.4%	63.5%	53.3%
HNX-Index	282.7	-0.2%	0.1%	3.5%	1,072.0	-3.8%	28.7%	42.2%	71.2	6.7%	50.6%	49.4%
UPCOM-Index	126.8	-0.8%	-0.5%	0.7%	390.2	-31.9%	-22.9%	-12.3%	28.0	34.8%	7.6%	-30.3%
VN30	1,936.2	-0.3%	3.2%	5.8%	11,401.1	26.0%	33.5%	49.7%	308.5	9.1%	26.0%	30.1%
VNMID	1,965.4	-0.4%	2.9%	6.5%	8,566.3	-2.9%	56.9%	64.9%	429.3	-8.8%	74.0%	53.7%
VNSML	1,265.6	-0.5%	1.3%	3.8%	1,092.1	-5.6%	62.8%	120.7%	87.9	-20.9%	72.5%	111.3%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	631.0	-0.3%	1.79%	6.0%	6,177.5	13.9%	26.8%	31.3%	291.6	15.7%	28.5%	33.0%
Bất động sản	981.5	1.8%	8.2%	6.4%	4,278.3	28.4%	43.9%	26.5%	101.1	-30.3%	3.7%	-6.4%
Dịch vụ tài chính	290.6	-0.3%	3.0%	5.1%	3,297.8	-8.0%	23.9%	33.2%	186.2	-7.6%	26.6%	39.6%
Công nghiệp	232.6	-1.4%	-0.5%	6.8%	1,265.3	15.7%	7.5%	13.0%	46.6	7.1%	5.1%	9.1%
Tài nguyên cơ bản	482.3	-1.8%	3.6%	5.0%	733.1	-15.2%	14.5%	15.5%	40.1	-13.3%	14.0%	18.3%
Xây dựng - Vật Liệu	158.2	-1.1%	0.4%	7.3%	606.8	-14.4%	15.7%	17.4%	36.2	-20.8%	14.1%	15.3%
Thực phẩm	503.7	0.1%	2.5%	6.6%	1,449.0	7.2%	4.1%	19.9%	38.0	14.6%	18.7%	34.3%
Bán Lẻ	1,419.2	-1.5%	-1.9%	14.2%	320.7	-12.6%	-42.3%	-54.2%	5.9	9.5%	-26.9%	-42.2%
Công nghệ	382.2	-0.9%	2.4%	11.1%	477.4	-3.1%	5.8%	-11.0%	9.0	-71.0%	-27.9%	-12.9%
Hóa chất	169.0	0.6%	1.9%	18.2%	368.2	-11.7%	13.6%	22.7%	12.5	-19.8%	5.7%	7.1%
Tiện ích	760.6	-1.3%	0.2%	13.3%	383.5	-0.6%	-5.1%	2.0%	15.9	24.2%	-8.3%	-6.4%
Dầu khí	108.7	-2.1%	-1.2%	12.1%	536.7	-26.8%	-17.73%	-2.2%	20.3	-24.3%	-22.1%	-10.4%
Dược phẩm	395.2	-0.1%	1.8%	4.3%	46.8	-67.6%	-32.7%	-35.0%	1.5	-75.3%	-38.2%	-42.3%
Bảo hiểm	100.7	-1.2%	-4.5%	10.7%	46.3	-35.7%	15.6%	26.4%	0.8	-43.6%	1.2%	5.9%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,791.4	0.15%	0.4%	13.6x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,596	-0.31%	26.7%	15.1x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,502	0.00%	-24.8%	14.2x	1.8x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,819	0.00%	4.2%	15.9x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,190	-0.98%	2.3%	9.4x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,889	0.19%	-2.0%	19.4x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	25,511	-0.02%	-0.5%	13.3x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	65,856	0.50%	30.8%	21.4x	2.8x
S&P 500	Mỹ	7,653	-0.28%	11.8%	28.2x	5.8x
Dow Jones	Mỹ	53,417	0.26%	11.1%	24.8x	6.2x
FTSE 100	Anh	10,873	0.17%	9.5%	15.0x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,481	0.50%	11.9%	17.5x	2.5x
DXV		99.0	0.24%	0.7%		
USDVND		26,119	-0.187%	-0.7%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

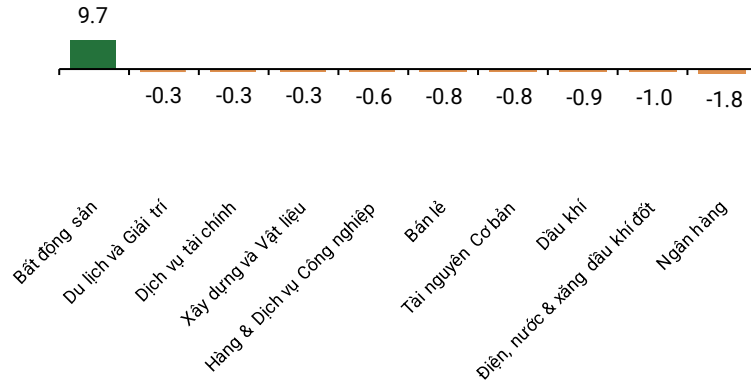
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-2.81%	-7.4%	47.2%	30.2%
Dầu WTI	▼	-2.99%	-7.7%	43.6%	27.3%
Khí gas	▼	-1.4%	-4.5%	-25.6%	1.7%
Than cốc (*)	▬	0.0%	-2.8%	20.8%	16.8%
Thép HRC (*)	▬	0.4%	1.6%	2.0%	-3.3%
PVC (*)	▼	-2.0%	-3.1%	-1.2%	-9.5%
Phân Urea (*)	▬	0.0%	-0.9%	-1.8%	-20.9%
Cao su thiên nhiên	▼	-0.3%	8.4%	30.8%	36.6%
Bông Cotton	▼	-1.6%	9.6%	34.0%	30.5%
Đường	▼	-1.1%	18.2%	16.3%	6.5%
World Container Index	▬	0.0%	3.5%	104.5%	101.1%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-1.4%	16.9%	124.5%	184.2%
Vàng	▼	-0.22%	14.5%	7.5%	37.9%
Bạc	▼	-1.34%	16.9%	-5.1%	76.3%

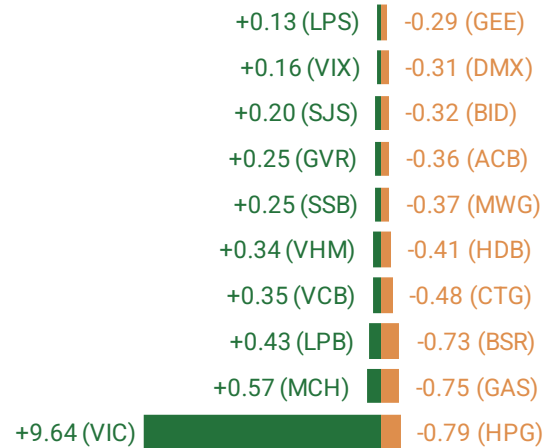
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

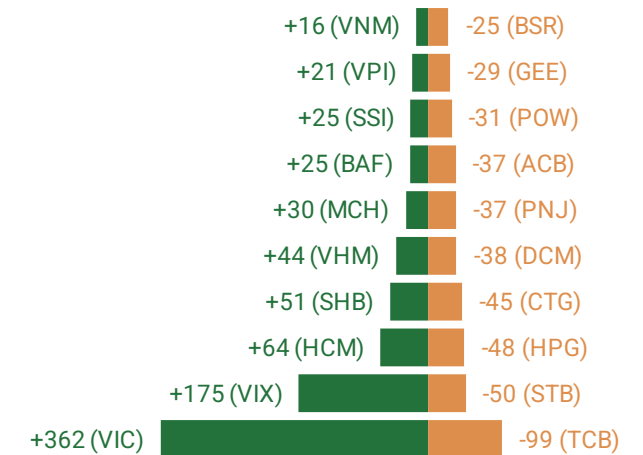
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



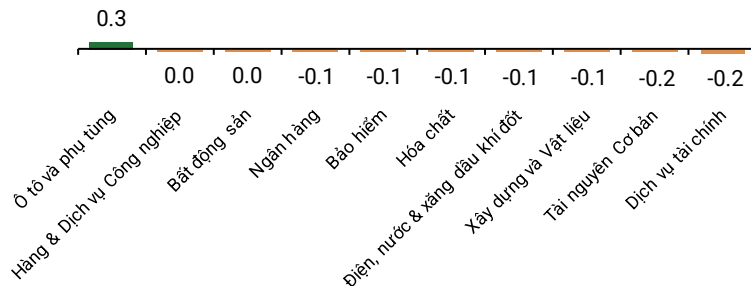
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



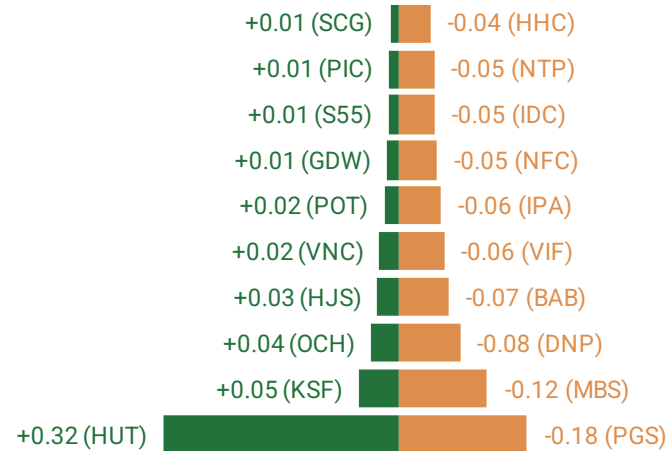
TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



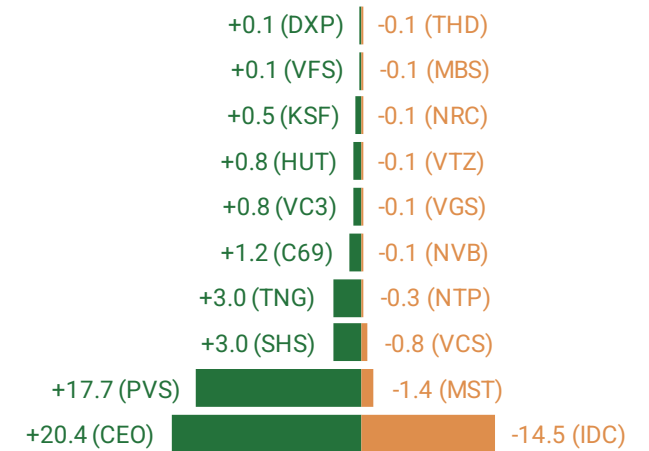
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



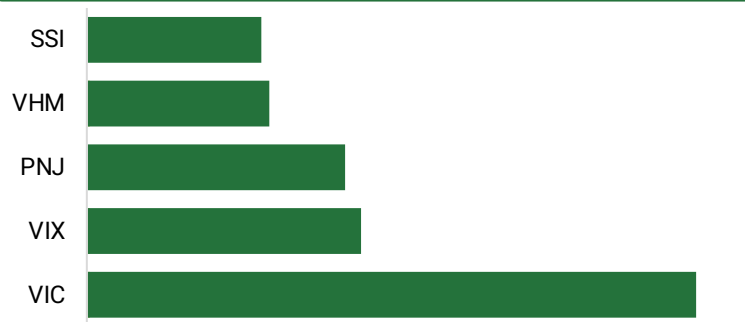
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VIC	VIX	PNJ	VHM	SSI
%DoD	2.8%	2.2%	0.0%	0.3%	0.0%
Giá trị	2,299	1,033	974	690	653

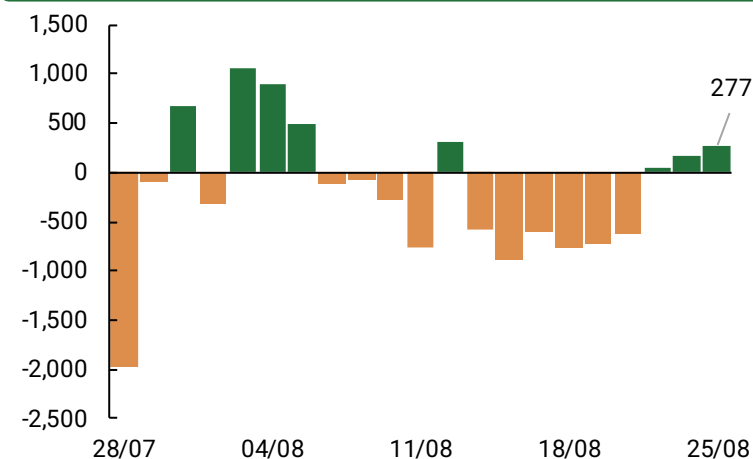
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	MSB	LPB	KDC	VPB	TCB
%DoD	-2.2%	1.4%	0.0%	0.2%	-0.5%
Giá trị	1,028	230	212	202	165

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



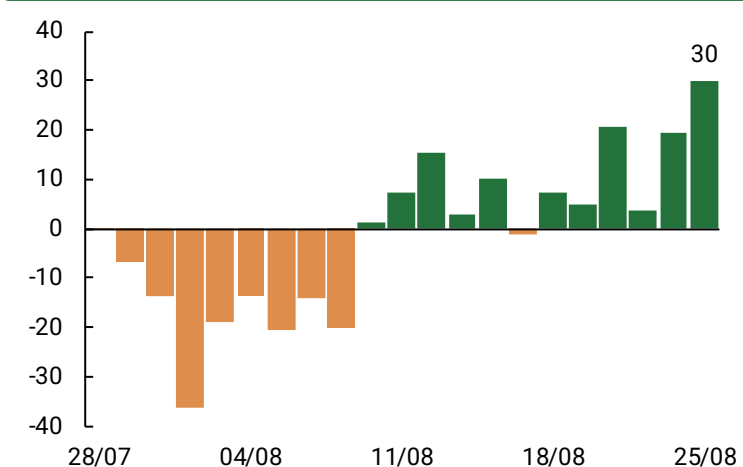
	SHS	CEO	PVS	MBS	HUT
%DoD	0.0%	0.0%	0.0%	-1.1%	3.8%
Giá trị	220	133	102	83	44

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	HUT	TVC	VTV	CAR	TIG
%DoD	3.8%	-1.3%	-0.7%	0.0%	0.0%
Giá trị	226	6	3	2	2

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Gravestone Doji, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1680 | 1755.
- ✓ Kháng cự: 1800 | 1860.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật.

Kịch bản: Nỗ lực bứt phá mốc 1800 điểm chưa thành công, đi kèm khối lượng giao dịch lớn. Điều này cho thấy lực cung vẫn chiếm thế chủ động tại ngưỡng tâm lý này. Chỉ số có thể trở lại rung lắc, tích lũy thêm động lượng trong vùng 1785 – 1795 điểm. Nếu vượt thuyết phục ngưỡng 1800, mục tiêu hướng tới là khu vực 1860 điểm. Chiều ngược lại, hỗ trợ gần được nâng lên quanh mức 1755 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Shooting Star, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1800 | 1860.
- ✓ Kháng cự: 1940 | 1980.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật.
- ✓ **Kịch bản:** Nỗ lực bứt phá chưa thành công và vận động tiếp tục chững lại khi tiếp cận MA200 ngày, quanh ngưỡng 1955 điểm. Chỉ số có thể trở lại rung lắc, tích lũy thêm động lượng quanh vùng 1920 – 1950 điểm. Nếu lực cầu vẫn duy trì vững, mục tiêu có thể tiếp tục hướng tới mốc 2000 điểm. Trái lại, sự suy yếu dưới ngưỡng 1890 sẽ khiến động lượng tăng vi phạm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	PHR	WATCH	Current price	60.90	P/E (x)	12.5
			Watch zone	59 - 60	P/B (x)	1.9
Exchange	HOSE		Target price	66	EPS	4885.3
			Cut loss price	57	ROE	16.4%
Sector	Commodity Chemicals				Stock Rating	AA
				Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá trở lại vận động trên ngưỡng MA20, MA50 ngày.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu và cải thiện trên miền dương, trong khi RSI cũng duy trì trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - MA20 cắt lên MA50 sẽ giúp củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Xu hướng hạ nhiệt củng cố lại nền giá và có thể tiếp tục quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, nếu giá điều chỉnh kiểm định tốt khu vực 59 – 60 có thể cân nhắc.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	PHR	Theo dõi	26/08/2026	60.9	59 - 60	-	66	10.9%	57	-4.2%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MCH	Mua	30/07/2026	-	141.8	135 - 136	4.6%	150	10.7%	129	-4.8%	
2	VCB	Mua	07/08/2026	-	59.4	58.5 - 59	1.1%	65	10.6%	55.5	-5.5%	
3	HDB	Mua	10/08/2026	-	27.0	26.2 - 26.6	2.3%	28.6	8.3%	25.4	-3.8%	
4	CTR	Mua	11/08/2026	-	75.5	74.6 - 75.6	0.7%	83	10.7%	71.5	-4.7%	
5	BSR	Mua	12/08/2026	-	26.7	25.8 - 26.2	2.7%	29	11.5%	24.5	-5.8%	
6	SAB	Mua	12/08/2026	-	46.1	45.4 - 45.8	1.1%	50	9.6%	43.5	-4.6%	
7	DGW	Mua	13/08/2026	-	42.3	40.5 - 41.5	3.2%	45	9.8%	38.5	-6.1%	
8	VGC	Mua	24/08/2026	-	40.5	40 - 41	-0.1%	45	11.1%	38.5	-4.9%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1939.9, giảm 3.1 điểm (-0.2%). Giá mở cửa hưng phấn nhưng vận động chững lại sau đó, và đảo chiều mạnh vào phiên chiều.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD thu hẹp với đường tín hiệu, cùng với RSI có xu hướng hạ nhiệt về mức trung bình, hàm ý động lượng tăng suy yếu. Giá có thể cần củng cố lại đà quanh vùng 1935 – 1945 điểm. Vị thế Long cân nhắc khi vận động trở lại trên ngưỡng 1946. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1932.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1861.7, tăng 6.6 điểm (+0.4%). Độ lệch basis 9.9 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 138 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1850 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1880 điểm.

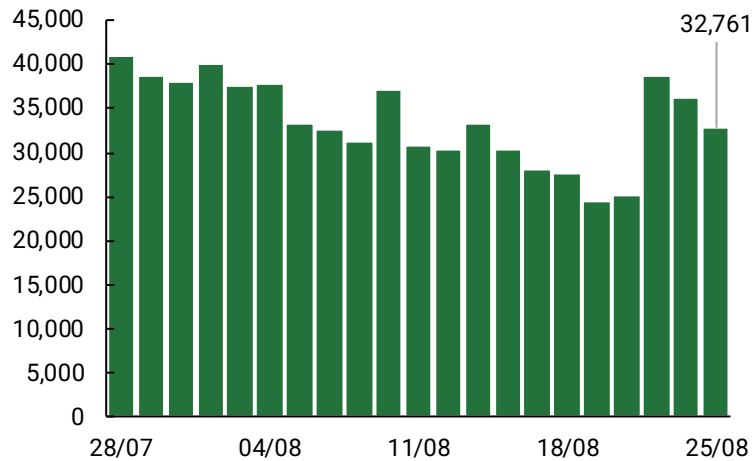
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1946	1960	1938	14 : 8
Short	< 1932	1920	1940	12 : 8

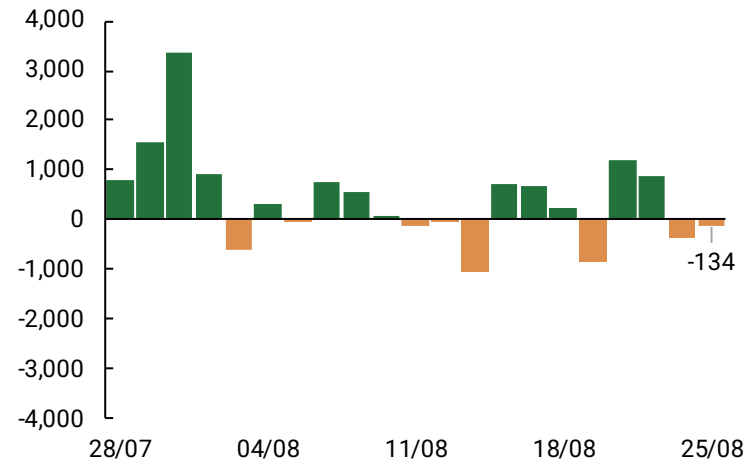
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111H3000	1,943.5	5.8	84	284	1,954.8	-11.3	18/03/2027	205
4111GC000	1,943.5	8.6	168	535	1,946.5	-3.0	17/12/2026	114
4111GA000	1,938.0	0.0	251	238	1,940.8	-2.8	15/10/2026	51
4111G9000	1,939.9	-3.1	267,945	32,761	1,938.2	1.7	17/09/2026	23
4112G9000	1,861.7	6.6	138	36	1,853.8	7.9	17/09/2026	23

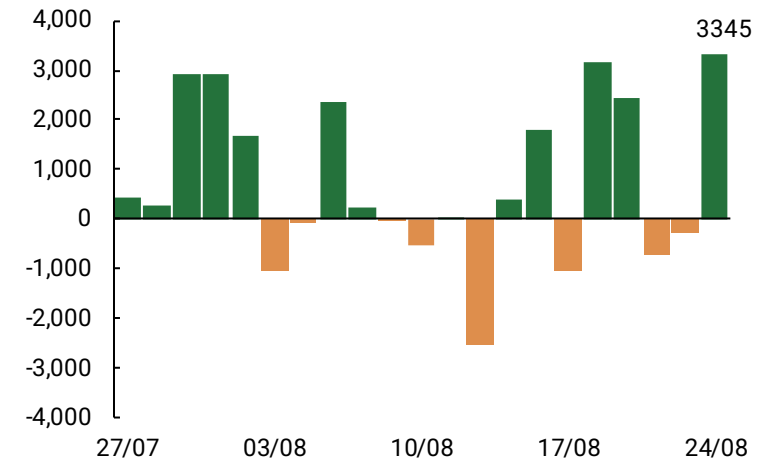
Khối lượng mở (Open interest)



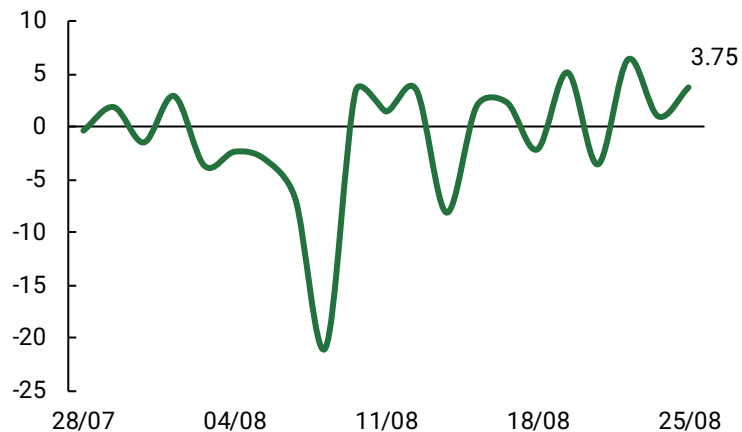
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



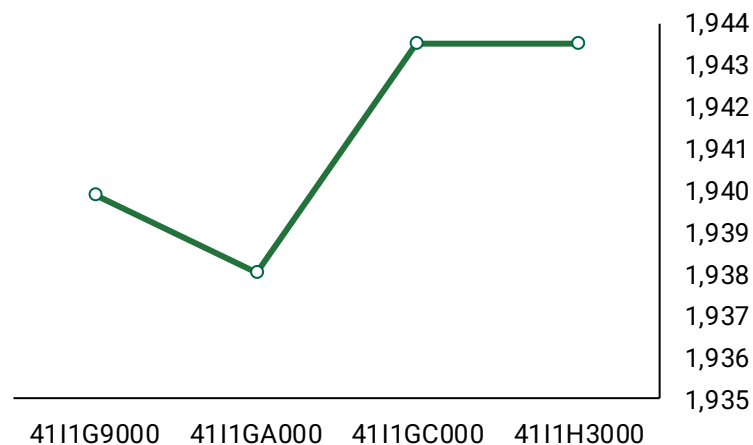
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



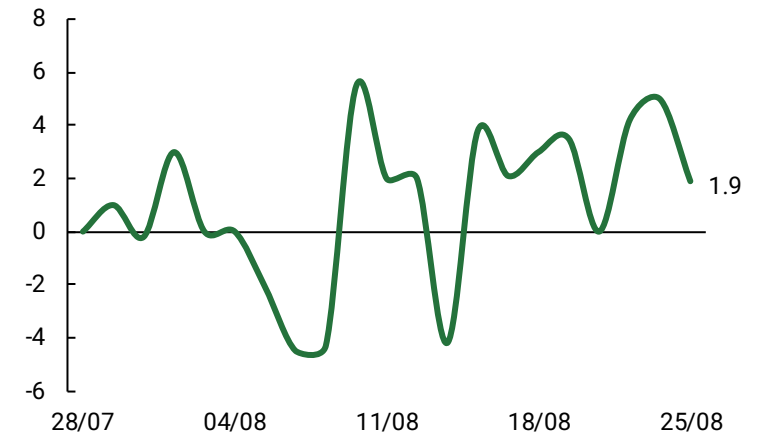
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



THÔNG TIN VĨ MÔ

Trung Quốc tăng mua vàng 21 tháng liên tiếp, mở rộng mạng lưới kho vàng toàn cầu: Theo báo cáo của S&P Global Ratings, Trung Quốc đang xây dựng mạng lưới kho vàng toàn cầu và đẩy mạnh mua vàng để bổ sung dự trữ ngân hàng trung ương. Sở Giao dịch Vàng Thượng Hải đã mở kho vàng giao nhận ở nước ngoài đầu tiên tại Hồng Kông và đang xem xét mở rộng tới Singapore, Kuala Lumpur, Dubai, Riyadh và Moscow. Tính đến cuối tháng 7, Trung Quốc sở hữu 76.08 triệu ounce vàng, đánh dấu 21 tháng liên tiếp tăng dự trữ.

Mỹ có thể thu hồi lượng lớn visa không định cư: Chính quyền Tổng thống Donald Trump đang lên kế hoạch thu hồi thị thực không định cư của người nước ngoài đã nộp đơn hoặc đang xin quy chế tị nạn tại Mỹ. Theo AP, có tới 200,000 người nước ngoài có thể bị thu hồi thị thực công tác và du lịch B1/B2 cấp trong giai đoạn 2016–2026. Bộ Ngoại giao Mỹ cho biết việc thu hồi visa là một phần trong chiến dịch siết nhập cư, bên cạnh các biện pháp thu hồi thị thực, thẻ xanh và đẩy mạnh trục xuất.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

DPM - Đặt mục tiêu doanh thu tỷ USD vào năm 2030: Đạm Phú Mỹ đặt mục tiêu đến năm 2030 đạt 31,220 tỷ đồng doanh thu, tương đương hơn 1.1 tỷ USD, cùng 1,480 tỷ đồng LNST. Trong giai đoạn 2026–2030, tổng doanh thu hợp nhất dự kiến đạt 113,680–115,950 tỷ đồng, tương ứng tốc độ tăng trưởng bình quân 14.1–14.6%/năm. LNST giai đoạn này dự kiến tăng bình quân 21.6–21.9%/năm, cao hơn tốc độ tăng doanh thu.

HAH - Rót thêm 121 tỷ đồng vào liên doanh mua tàu container: Xếp dỡ Hải An dự kiến góp thêm hơn 121 tỷ đồng vào Hải An Green Shipping Lines, nâng phần vốn góp lên 914 tỷ đồng nhưng vẫn giữ tỷ lệ sở hữu 40%. Khoản vốn bổ sung nhằm hỗ trợ liên doanh với Viconship mua tàu container BUXMELODY trị giá 28.6 triệu USD trong năm 2026. Trong thời gian chờ nhận hai tàu đóng mới 7,100 TEU vào năm 2028, liên doanh mua tàu đã qua sử dụng để sớm bổ sung công suất và dòng tiền.

VPB - Lọt nhóm 6 cổ phiếu Việt Nam vào FTSE All-World: FTSE Russell đưa VPB vào cả FTSE All Cap và FTSE All-World trong kỳ rà soát bán niên tháng 9/2026. Theo bài viết, VPB là cái tên mới trong nhóm 6 cổ phiếu Việt Nam vào FTSE All-World, đồng thời được một số CTCK dự báo có thể thu hút dòng vốn thụ động quy mô hàng nghìn tỷ đồng. Cuối quý II, tổng tài sản hợp nhất của VPBank vượt 1.5 triệu tỷ đồng, tăng 19.2% so với cuối năm 2025; LNTT 6 tháng đạt gần 18,900 tỷ đồng, tăng 68% YoY.

KDC - Star Pacifica không còn là cổ đông lớn: Star Pacifica đã bán 250,000 cổ phiếu KDC trong ngày 14/8, giảm sở hữu từ 5.0392% xuống 4.9487% và không còn là cổ đông lớn của KIDO. Tính từ đầu năm 2025 đến giữa tháng 8/2026, lượng cổ phiếu KDC do Star Pacifica nắm giữ đã giảm từ hơn 20.58 triệu xuống còn khoảng 13.68 triệu cổ phiếu, tương đương giảm ròng gần 6.91 triệu cổ phiếu.

BIC - Chốt quyền trả cổ tức tiền mặt tỷ lệ 12%: Bảo hiểm BIDV chốt phương án chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt tỷ lệ 12%, cao hơn mức dự kiến 10% đã được phê duyệt trước đó. Năm 2026, BIC đặt mục tiêu tổng doanh thu phí bảo hiểm đạt 6,230 tỷ đồng, tăng 17%, và LNTT hợp nhất đạt 780 tỷ đồng, tăng gần 15% so với năm trước.

03/08	Mỹ, Trung Quốc, EU – Chỉ số PMI Việt Nam – Chỉ số PMI, Danh mục VN30, VN100 có hiệu lực, Báo cáo kinh tế – xã hội tháng 7/2026
07/08	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
09/08	Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
11/08	Úc – RBA họp và công bố lãi suất
12/08	Mỹ – Chỉ số CPI
13/08	Việt Nam – MSCI công bố danh mục Mỹ – Chỉ số PPI
14/08	Việt Nam – Hạn BCTC Q2/2026 soát xét
17/08	Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
20/08	Mỹ – Biên bản cuộc họp FOMC Việt Nam – Đáo hạn HĐTL
26/08	Mỹ – Chỉ số PCE, ước tính GDP
27 – 29/08	Mỹ - Hội nghị kinh tế Jackson Hole

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	41,550	73,400	76.7%	Mua
CTG	31,500	40,700	29.2%	Mua
CTD	62,700	82,900	32.2%	Mua
DBD	50,900	68,000	33.6%	Mua
DDV	18,334	35,900	95.8%	Mua
DGW	42,300	47,500	12.3%	Tăng tỷ trọng
DPG	30,300	42,300	39.6%	Mua
DPR	36,900	46,500	26.0%	Mua
DRI	13,904	17,200	23.7%	Mua
EVF	12,500	14,400	15.2%	Tăng tỷ trọng
FRT	145,000	151,000	4.1%	Nắm giữ
GMD	78,700	88,900	13.0%	Tăng tỷ trọng
HAH	47,600	58,300	22.5%	Mua
HDG	16,600	30,900	86.1%	Mua
HHV	10,200	11,700	14.7%	Tăng tỷ trọng
HPG	21,800	34,200	56.9%	Mua
IMP	38,900	54,400	39.8%	Mua
KDH	18,200	38,800	113.2%	Mua
MCH	141,800	148,500	4.7%	Nắm giữ
MWG	73,900	115,600	56.4%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	20,650	27,500	33.2%	Mua
NLG	24,000	39,400	64.2%	Mua
NT2	21,200	27,700	30.7%	Mua
PHR	60,900	72,800	19.5%	Tăng tỷ trọng
PNJ	42,650	75,500	77.0%	Mua
PVS	38,000	39,900	5.0%	Nắm giữ
PVT	20,200	26,000	28.7%	Mua
POW	13,300	15,000	12.8%	Tăng tỷ trọng
SAB	46,100	54,900	19.1%	Tăng tỷ trọng
SSI	21,250	31,200	46.8%	Mua
TLG	52,000	50,000	-3.8%	Giảm tỷ trọng
TCB	31,300	41,700	33.2%	Mua
TCM	17,700	35,300	99.4%	Mua
TRC	86,100	91,800	6.6%	Nắm giữ
VCB	59,400	79,700	34.2%	Mua
VPB	26,400	36,500	38.3%	Mua
VCG	16,150	23,300	44.3%	Mua
VHC	52,700	58,000	10.1%	Tăng tỷ trọng
VNM	62,600	66,650	6.5%	Nắm giữ

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801